

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 83/2004/QĐ-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2004

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế thành lập và hoạt động của Văn phòng đại diện
tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

*Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ Quy
định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Nghị định 144/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ về
chứng khoán và thị trường chứng khoán;*

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thành lập và hoạt động của Văn
phòng đại diện tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Trưởng văn phòng đại diện của tổ
chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam và các bên có liên quan chịu
trách nhiệm thi hành quyết định này.

QUY CHẾ

**Thành lập và hoạt động của Văn phòng đại diện tổ chức kinh doanh
chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 83/2004/QĐ-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2004
của Bộ trưởng Bộ Tài Chính)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc thành lập và hoạt động của Văn phòng đại diện tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, "tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài" được hiểu là các công ty chứng khoán, các công ty quản lý quỹ đầu tư được thành lập và hoạt động theo pháp luật nước ngoài.

Điều 3. Trách nhiệm của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài và Văn phòng đại diện

1. Văn phòng đại diện tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam, sau đây gọi tắt là Văn phòng đại diện, được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam để tìm kiếm, thúc đẩy các cơ hội hợp tác trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán với các tổ chức kinh tế của Việt Nam nhưng không được hoạt động kinh doanh.
2. Tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài được đặt tối đa 03 Văn phòng đại diện tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương của Việt Nam (sau đây gọi tắt là tỉnh, thành phố) và tại mỗi tỉnh, thành phố chỉ được phép đặt 01 Văn phòng đại diện.
3. Tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài có Văn phòng đại diện tại Việt Nam chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về mọi hoạt động của Văn phòng đại diện.
4. Văn phòng đại diện phải tuân thủ pháp luật Việt Nam và trực tiếp thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật Việt Nam; được Nhà nước Việt Nam bảo hộ các quyền và lợi ích hợp pháp nhưng không được hưởng quy chế ưu đãi miễn trừ dành cho Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan lãnh sự nước ngoài, Cơ quan đại diện các tổ chức quốc tế liên Chính phủ tại Việt Nam.

Điều 4. Thẩm quyền cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung và thu hồi Giấy phép Văn phòng đại diện

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước là cơ quan có thẩm quyền cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung và thu hồi Giấy phép Văn phòng đại diện, sau đây gọi tắt là Giấy phép.

Chương II

VIỆC CẤP, GIA HẠN, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ THU HỒI GIẤY PHÉP VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

Điều 5. Điều kiện cấp Giấy phép

Tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài muốn thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Có nhu cầu hợp tác trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán tại Việt Nam.
2. Được cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cho phép lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam; Nếu nước nguyên xứ không có quy định này thì tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài cần có văn bản làm bằng chứng;
3. Đã có thời gian hoạt động tối thiểu là 03 năm và đang hoạt động bình thường căn cứ theo báo cáo tài chính có kiểm toán.

Điều 6. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép

1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép bao gồm:
 - a. Đơn đề nghị cấp Giấy phép do người có thẩm quyền của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài ký (mẫu đơn theo Phụ lục 01 kèm theo Quy chế này);
 - b. Bản sao hợp lệ văn bản cho phép tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài được hoạt động kinh doanh chứng khoán do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp;
 - c. Điều lệ của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài;
 - d. Tài liệu chứng minh sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cho phép tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài được lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 của Quy chế này;
 - e. Bản sao hợp lệ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán và Báo cáo tình hình hoạt động 02 năm gần nhất của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài;
 - f. Lý lịch của người dự kiến được bổ nhiệm làm Trưởng Văn phòng đại diện tại Việt Nam có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài nếu là người nước ngoài hoặc của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam nếu là người Việt Nam;

g. Phương án hoạt động trong năm đầu của Văn phòng đại diện tại Việt Nam.

2. Hồ sơ quy định tại Khoản 1 Điều này gửi tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bao gồm 02 bộ. Những tài liệu bằng tiếng nguyên xứ trong bộ hồ sơ phải là bản gốc hoặc bản sao hợp lệ do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp hoặc chứng nhận theo quy định của nước nguyên xứ và phải gửi kèm bản dịch sang tiếng Việt được cơ quan công chứng của Việt Nam xác nhận.

Điều 7. Thủ tục cấp Giấy phép

1. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 của Quy chế này, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo bằng văn bản để tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp hoặc từ chối cấp Giấy phép (mẫu Giấy phép theo Phụ lục 02 kèm theo Quy chế này). Trong trường hợp từ chối cấp Giấy phép, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước sẽ thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do.

3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày cấp Giấy phép, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước gửi bản Giấy phép này đến Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố nơi Văn phòng đại diện đóng trụ sở.

Điều 8. Đăng ký và thông báo hoạt động

Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày được cấp Giấy phép, tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài phải đăng ký hoạt động tại Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố nơi Văn phòng đại diện đóng trụ sở và phải gửi thông báo bằng văn bản cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về ngày chính thức đi vào hoạt động, địa điểm đặt trụ sở, số điện thoại, số fax liên lạc, số lượng người Việt Nam và số lượng người nước ngoài làm việc tại Văn phòng đại diện.

Điều 9. Thời hạn hoạt động

1. Thời hạn hoạt động của Văn phòng đại diện tối đa là 5 năm kể từ ngày cấp Giấy phép.

2. Giấy phép có thể được gia hạn. Mỗi lần gia hạn không quá 5 năm.

Điều 10. Gia hạn Giấy phép

1. Chậm nhất là 30 ngày trước khi kết thúc thời hạn ghi trên Giấy phép, tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài muốn gia hạn Giấy phép phải gửi tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bộ hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép. Bộ hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép bao gồm:

- a. Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép do người có thẩm quyền của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài ký (mẫu đơn theo Phụ lục 03 kèm theo Quy chế này);
- b. Báo cáo tóm tắt hoạt động của Văn phòng đại diện trong thời gian Giấy phép có hiệu lực do Trưởng Văn phòng đại diện ký;
- c. Bản sao hợp lệ báo cáo thường niên của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài năm gần nhất.

2. Bộ hồ sơ nêu tại Khoản 1 Điều này gửi tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bao gồm 02 bộ.

3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra Quyết định gia hạn Giấy phép. Trong trường hợp từ chối việc gia hạn Giấy phép, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước sẽ thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do.

4. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày ra Quyết định gia hạn Giấy phép cho Văn phòng đại diện, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước gửi bản Quyết định này đến Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố nơi Văn phòng đại diện đặt trụ sở.

Điều 11. Đổi tên Văn phòng đại diện

1. Khi có nhu cầu đổi tên Văn phòng đại diện, tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài gửi tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đơn đề nghị đổi tên Văn phòng đại diện (mẫu đơn theo Phụ lục 04 kèm theo Quy chế này).

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị đổi tên, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra Quyết định chấp thuận đổi tên Văn phòng đại diện. Trong trường hợp không chấp thuận đổi tên Văn phòng đại diện, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước sẽ thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do.